

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22829306] - Hệ thống điện nhà
thông minh (CCQ2205C)

Số SV có mặt: 17
Số bài thi:

CBGD: Bùi Quốc Thạch (280041), Trần Thiện T Số tờ giấy thi:.....

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122050122	Nguyễn Chí An	15/11/2004	CCQ2205D		An	7,0	7,0	7,0
2	2122050149	Nguyễn Văn Bảo	24/10/2004	CCQ2205D		Bao	7,0	7,0	7,0
3	2122050117	Nguyễn Văn Chương	16/12/2004	CCQ2205D		Chương	7,7	8,0	7,9
4	2122050127	Nguyễn Ngọc Đức	13/03/2004	CCQ2205D		Đức	8,0	8,0	8,0
5	2122050128	Nguyễn Xuân Dương	01/01/2004	CCQ2205D		Dương	6,7	6,9	6,8
6	2122050144	Hà Trần Ngọc Giáng	19/01/2004	CCQ2205D					
7	2122140064	Nguyễn Huy Hoàng	23/02/2001	CCQ2205D		Hoang	7,7	7,5	7,6
8	2122050129	Tổng Quang Huy	09/06/2002	CCQ2205D					
9	2122170390	Nguyễn Trần Đức Hy	25/07/2004	CCQ2205D		Hy	8,0	8,0	8,0
10	2122050013	Trần Gia Lâm	26/08/2004	CCQ2205D		Lam	8,0	8,0	8,0
11	2122050133	Đỗ Văn Ngọc Lưu	20/01/2004	CCQ2205D		Luoi	5,7	6,0	5,9
12	2122170394	Lê Văn Lưu	26/07/2004	CCQ2205D		Luoi	7,3	7,5	7,4
13	2122220028	Trần Huỳnh Mạnh	19/08/2004	CCQ2205D		Mạnh	8,0	8,0	8,0
14	2122170387	Võ Xuân Minh	05/08/2004	CCQ2205D		Minh	6,0	7,0	6,6
15	2122050090	Trần Văn Quyền	02/10/2004	CCQ2205C		Quyên	6,3	7,0	6,7
16	2122050147	Huỳnh Văn Thuận	26/05/2003	CCQ2205C		Phuân	6,0	6,0	6,0
17	2122050078	Lê Minh Trí	07/12/2004	CCQ2205C		Trí	5,3	5,0	5,1
18	2122050074	Nguyễn Hữu Trọng	29/06/2003	CCQ2205C		Trọng	6,0	6,0	6,0
19	2122050085	Nguyễn Thành Trung	22/11/2004	CCQ2205C		Trung	7,0	7,0	7,0
20	2122050095	Nguyễn Trung Tứ	24/02/2004	CCQ2205C					

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22829304] - Hệ thống điện nhà
thông minh (CCQ2205D)

Số SV có mặt:.....

Số bài thi:

CBGD: Bùi Quốc Thạch (280041), Trần Thiện T Số tờ giấy thi:.....

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122050047	Nguyễn Tấn	Chiến	25/06/2004	CCQ2205B					
2	2122050038	Phạm Thanh	Diễn	05/05/2004	CCQ2205B		Điền	5,7	6,0	5,9
3	2122050062	Nguyễn Trung	Đức	16/01/2003	CCQ2205B		Đức	7,0	7,0	7,0
4	2122050040	Vũ Văn Hùng	Dũng	23/09/2003	CCQ2205B		F	6,0	6,5	6,3
5	2122050106	Dương Thành	Nguyên	16/02/2004	CCQ2205D		Nguyễn	7,7	8,0	7,9
6	2122200018	Đặng Thanh	Phúc	20/08/2002	CCQ2205D		Phúc	7,0	7,0	7,0
7	2122050130	Dương Minh	Tân	22/12/2004	CCQ2205D		Minh	5,3	5,0	5,1
8	2122050107	Lê Thanh	Thái	24/07/2002	CCQ2205D		Thái	7,7	8,0	7,9
9	2122180045	Trương Lương Nguyễn	Thành	13/11/2004	CCQ2205D		Thành	8,0	8,0	8,0
10	2122170536	Đào Huỳnh Xuân	Thiện	21/08/2004	CCQ2205D		Thiện	7,2	7,0	7,1
11	2122050124	Võ Đức	Thịnh	12/12/2004	CCQ2205D		Thịnh	7,0	6,5	6,7
12	2122050081	Trương Lê Ngọc	Tiên	06/11/2003	CCQ2205C		Ngọc	7,0	6,5	6,7
13	2122170537	Phan Trần Phước	Tiến	29/08/2004	CCQ2205D		Phước	7,3	7,0	7,1
14	2122060061	Triệu Minh	Toàn	30/10/2004	CCQ2205D					
15	2122050126	Lê Thành	Trung	29/10/2004	CCQ2205D		Thành	8,0	8,0	8,0
16	2122050111	Võ Thanh	Trung	20/06/2004	CCQ2205D		Trung	7,3	7,0	7,1
17	2122050105	Nguyễn Quốc	Việt	11/03/2004	CCQ2205D		Việt	8,0	7,5	7,7
18	2122050123	Nguyễn Văn	Vin	01/04/2003	CCQ2205D		Vin	7,7	7,5	7,6
19	2122050103	Trần Anh	Vũ	08/05/2004	CCQ2205D		Anh	7,0	7,0	7,0

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22829302] - Hệ thống điện nhà
thông minh (CCQ2205B)

Số SV có mặt: 16...
Số bài thi:

CBGD: Bùi Quốc Thạch (280041), Trần Thiện T Số tờ giấy thi:.....

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122050042	Trần Lê Nhật	Duy	06/11/2004	CCQ2205B		Duy	8,3	8,5	8,4
2	2122050037	Nguyễn Trung	Hiếu	04/04/2004	CCQ2205B		Hiếu	8,7	9,0	8,9
3	2122050036	Võ Phước	Hon	16/04/2004	CCQ2205B		Phước	7,0	8,0	7,6
4	2122050059	Phan Trọng	Hữu	23/03/2004	CCQ2205B		Hữu	5,0	6,0	5,6
5	2122050054	Vũ Gia	Huy	04/06/2004	CCQ2205B					
6	2122050046	Đoàn Minh	Khải	29/07/2004	CCQ2205B		Khải	6,7	7,5	7,2
7	2122050045	Phan Văn	Khải	31/08/2003	CCQ2205B					
8	2122050053	Nguyễn Phạm Hoàng	Minh	20/11/2004	CCQ2205B		Minh	6,7	7,0	6,9
9	2122050067	Nguyễn Tấn Gia	Nguyên	30/04/2004	CCQ2205B		Nguyên	8,0	8,0	8,0
10	2122050136	Trần Khắc	Nhân	24/03/2004	CCQ2205B		Nhân	6,7	7,5	7,2
11	2122050068	Nguyễn Hữu	Phát	19/02/2003	CCQ2205B		Phát	8,0	8,5	8,3
12	2122050069	Huỳnh Ngọc	Phúc	10/12/2003	CCQ2205B		Phúc	6,0	7,5	6,9
13	2122050057	Lê Quang	Phương	03/08/2004	CCQ2205B		Phương	7,0	8,0	7,6
14	2122050049	Đặng Minh	Quân	17/06/2004	CCQ2205B		Quân	6,0	7,6	6,6
15	2122050056	Lê Thanh	Quang	24/11/2004	CCQ2205B		Thanh	7,0	8,0	7,6
16	2122050137	Trần Văn	Quốc	11/02/2004	CCQ2205B					
17	2122050051	Tô Đình	Thành	18/06/2004	CCQ2205B		Thành	7,0	7,5	7,3
18	2122050061	Huỳnh Quốc	Thịnh	03/07/2004	CCQ2205B		Thịnh	8,0	8,0	8,0
19	2122050055	Trần Ngọc	Thông	03/07/2004	CCQ2205B					
20	2122050064	Vạn Trung	Tín	05/10/2004	CCQ2205B					
21	2122050066	Hồ Mạnh	Trình	27/03/2004	CCQ2205B		Trình	6,0	6,0	6,0